TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang.

Bà Võ Thị Tổng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Băng C, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: tổ E, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Nhà trọ K, đường D, Khu Công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1983; cư trú tại: tổ E, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Băng C trình bày:

Về hôn nhân: bà C và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 8 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận; hôn nhân tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do ông T gia trưởng, thường xuyên uống rượu say rồi gây sự với bà C. Từ đó vợ chồng hay cãi nhau, không có tiếng nói chung. Bà C và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay.

Nay bà C nhận thấy hôn nhân của bà và ông T ngày càng vô nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: bà C và ông T có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thuận D, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Trần Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2009.

Theo đơn khởi kiện, bà C yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Đến ngày mở phiên tòa hôm nay, con chung Trần Nguyễn Thuận D đã thành niên nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu L đang sống cùng bà C. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà C yêu cầu được nuôi cháu L nhưng không tiếp tục yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: bà C không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp. Bà C khai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, do ông T gia trưởng, thường xuyên uống rượu say rồi gây sự với bà C; vợ chồng hay cãi nhau, không có tiếng nói chung; bà C và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Vì

vậy, bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T theo khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trên cơ sở lời khai cũng như nơi sinh sống hiện nay của bà C và ông T, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, bà C và ông T là vợ chồng nhưng đã không sống chung với nhau trong thời gian dài, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của bà C.

Xét thấy, hôn nhân của bà C và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà C và ông T ly hôn.

Về nuôi con chung:

Bà C và ông T có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thuận D và Trần Nguyễn Ngọc L.

Con chung Trần Nguyễn Thuận D đã thành niên nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C yêu cầu được nuôi cháu L và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu L đang ở cùng bà C và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, ông T có trách nhiệm giao cháu L cho bà C trực tiếp nuôi theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: bà C và ông T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí:

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Băng C đối với ông Trần Văn T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Băng C ly hôn ông Trần Văn T.

Về nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị Băng C và ông Trần Văn T có 02 con chung tên Trần Nguyễn Thuận D, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Trần Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2009.

Con chung Trần Nguyễn Thuận D đã thành niên nên bà Nguyễn Thị Băng C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn T có trách nhiệm giao con chung tên Trần Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2009 cho bà Nguyễn Thị Băng C trực tiếp nuôi. Bà Nguyễn Thị Băng C không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Về chia tài sản và nợ chung: bà Nguyễn Thị Băng C và ông Trần Văn T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Băng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Băng C đã nộp theo biên lai số 0003521 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Băng C đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND X.Sông Phan, H.Hàm Tân, T.Bình Thuận;
(Giấy CNKH số 24, quyển I, đăng ký ngày 15/8/2005);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

Huỳnh Kim Xuyến